

Name:

Class:

CHECK VOCABULARY UNIT 8

Getting started - Closer look 1

1. Nhà phê bình _____.
2. Phim tài liệu _____.
3. Phim kinh dị _____.
4. Vui nhộn, hài hước _____.
5. Hấp dẫn, thú vị _____.
6. Hung tợn, hung dữ _____.
7. Cảm động, gây xúc động _____.
8. Bực mình/ làm bức mình _____.
9. Lúng túng / làm lúng túng _____.
10. Thất vọng/ làm thất vọng _____.
11. Kiệt sức/ làm kiệt sức _____.
12. Bối rối, khó hiểu/ làm bối rối khó hiểu _____.

Complete these sentences with *although* or *in spite of*

13. all my careful plans, a lot of things went wrong.
14. I had planned everything carefully, a lot of things went wrong.
15. I love music I can't play a musical instrument.
16. being very tired, we carried on walking.
17. The heating was on, but this the house was still cold.
18. Keith decided to give up his job I advised him not to.
19. I couldn't sleep I was tired.
20. it rained a lot, they enjoyed themselves.